TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY BẮC** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28/6/2023
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Thành Phước

2. Bà Phạm Thị Thu Vân.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Võ Thị Minh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc *tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Hoàng Nhân – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 61/2023/TLST – HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2023 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 24/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12/6/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Hồng N, sinh năm 1994 (vắng mặt).

Địa chỉ: khu phố A, phường T, thị xã T1, tỉnh Bình Dương.

Chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Trần Hoàng L, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã H1, huyện M, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Hồng N trình bày:

Vào năm 2019, chị và anh Trần Hoàng L tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H vào ngày 27/5/2019. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2022, chị và anh L phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm, không còn tin tưởng nhau trong cuộc sống và không có tiếng nói chung. Do đó, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Hoàng L.

Về con chung: có 01 con chung là cháu Trần Kim A ngày 09/9/2019, hiện đang sống chung với chị N. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Trần Hoàng L vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình; riêng bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cụ thể: Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Hồng N; về con chung: chị N được trực tiếp nuôi con chung là cháu Trần Kim A ngày 09/9/2019, anh Trần Hoàng L không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N không có yêu cầu; về tài sản chung và nợ chung: không có nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Trần Hồng N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Trần Hoàng L vắng mặt tại phiên tòa không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị N và anh L là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Hồng N và anh Trần Hoàng L trên cơ sở quen biết nhau trước nên cả hai tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H vào ngày 27/5/2019. Xét thấy, hôn nhân của chị N và anh L đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật hôn nhân gia đình nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, chị N và anh L có thời gian sống hạnh phúc và có với nhau 01 con chung nhưng vì những mâu thuẫn trong cuộc sống gia đình mà đã dẫn đến việc chị N xin ly hôn. Tại đơn

khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị N cho rằng nguyên nhân mất hạnh phúc là do vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không còn tin tưởng nhau trong cuộc sống và không có tiếng nói chung; từ đó dẫn đến việc chị và anh L đã ly thân nhau từ năm 2022 cho đến nay. Xét thấy, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành mời chị N và anh L đến Tòa án nhiều lần để tiến hành hòa giải hôn nhân của anh chị nhưng anh L vẫn vắng mặt không có lý do. Điều đó chứng tỏ anh L không có thiện chí hàn gắn, đoàn tụ vợ chồng với chị N. Ngoài ra, theo biên bản xác minh tại gia đình chị N thì cũng xác định vợ chồng chị N, anh L ly thân nhau từ năm 2022 đến nay. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy: chị N và anh L là vợ chồng nhưng anh chị không quan tâm, giúp đỡ nhau để tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt mà anh chị lại bỏ mặc nhau, sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay nên anh chị đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N là phù hợp.

[3] Về con chung: thời gian sống chung, chị N và anh L có 01 con chung là cháu Trần Kim A ngày 09/9/2019, hiện đang sống chung với chị N. Sau khi ly hôn, chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy: hiện tại cháu A đang sống chung với chị N; trong quá trình giải quyết vụ án, anh L cũng không có văn bản trình bày ý kiến tranh chấp về nuôi con chung với chị N. Do đó, để đảm bảo quyền lợi cho sự phát triển tốt về thể chất, sự phát triển tốt về tinh thần cho cháu A nên Hội đồng xét xử giao cháu A cho chị N được trực tiếp nuôi là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Việc chị N không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con là sự tự nguyện của chị nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: chị N trình bày là không có. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, anh L cũng không có văn bản trình bày ý kiến và đơn tranh chấp về chia tài sản khi ly hôn với chị N nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[5] Về nợ chung: chị N trình bày là không có. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, anh L cũng không có văn bản trình bày là anh và chị N có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[6] Xét thấy quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: chị N phải chịu do chị N yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Hồng N. Chị Trần Hồng N được ly hôn với anh Trần Hoàng L.

Về con chung: Chị Trần Hồng N được trực tiếp nuôi con chung là cháu Trần Kim A, sinh ngày 09/9/2019, hiện đang sống chung với chị N. Anh Trần Hoàng L không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: chị N trình bày là không có nên không đề cập.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Trần Hồng N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002468 ngày 16/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc nên chị không còn phải nộp thêm.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc;
- Chi Cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc;
- Các đương sự;
- UBND xã H;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Đạt